

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 29-5-2019
V/v Tranh chấp dân sự về hợp đồng
vay tài sản bằng tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Lâm Tới;

Ông Trần Thanh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Vắng mặt.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2018 “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) S. Trụ sở chính: 266-268 N, phường 8, Quận 3, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Phú Q – chức vụ: Phó phòng giao dịch T, Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) S, chi nhánh A theo giấy ủy quyền ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Giám đốc, Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) S, chi nhánh A, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1978, nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 10 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) S trình bày:*

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 Bà Nguyễn Thị U có ký hợp đồng cho vay số LD1727100026 tại Phòng giao dịch T, Ngân hàng TMCP S, chi nhánh A, số tiền gốc là 250.000.000 đồng, hạn mức vay 03 năm, Lãi suất: 10,5%/năm, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay, mục đích vay: chăn nuôi bò, phương thức trả nợ: theo giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng, trả lãi hàng tháng, hoàn trả vốn trong 01 năm. Bà U có thanh toán được tiền lãi 25.406.944 đồng. Từ ngày 11 tháng 09 năm 2018 đến nay Bà U đã vi phạm nghĩa vụ về thời hạn trả nợ, yêu cầu Bà U trả nợ gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi (tính từ ngày 29 tháng 9 năm 2018 đến ngày 29 tháng 5 năm 2019) là 27.825.704 đồng, tổng vốn và lãi 277.825.704 đồng (theo bảng kê lãi ngày 29 tháng 5 năm 2019).

Để thực hiện biện pháp bảo đảm giao dịch, thì Bà U ký hợp đồng thế chấp bất động sản số LD1727100026 ngày 29 tháng 9 năm 2017 có chứng thực của Văn phòng công chứng T, huyện T, tỉnh A, thế chấp tài sản quyền sử dụng đất số CH02560 ngày 06 tháng 11 năm 2014 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, đứng tên Nguyễn Thị U, diện tích 134,3 m² đất ở tại đô thị, số thửa 95, số tờ bản đồ 27, tọa lạc thị trấn T, huyện T, tỉnh A, có xác nhận đăng ký thế chấp tài sản quyền sử dụng đất của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh Tỉnh Biên, ngày 12 tháng 01 năm 2017.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Bà U trả ngày vốn, lãi 227.825.704 đồng và duy trì hợp đồng thế chấp, đồng thời tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ gốc. Trường hợp Bà U không có khả năng thanh toán yêu cầu được duy trì hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tạm ứng chi phí xem xét thẩm định 600.000 đồng, yêu cầu bị đơn phải trả lại.

- Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị U đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

- Theo quy định vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa được quy định tại điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên vắng mặt.

Đại diện nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Nguyễn Thị U có nơi cư trú t3, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh A. Vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Kiểm sát viên được phân công tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Kiểm sát viên.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) ký Hợp đồng tín dụng, cho Bà U vay tiền với mục đích là để chăn nuôi bò. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản bằng tiền.

[2] Về nội dung:

Xét hợp đồng cho vay số LD1727100026, ký ngày 29 tháng 9 năm 2017 được xác lập trên cơ sở tự nguyện và tự thỏa thuận của các bên. Về nội dung và hình thức hợp đồng đều tuân thủ đúng quy định pháp luật và phù hợp theo quy định Điều 11 và Điều 13 Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước “*Về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng*” và lãi suất áp dụng phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010, nên có cơ sở công nhận hợp đồng này là hợp pháp.

Về biện pháp giao dịch bảo đảm: Các bên đã tự nguyện, tự thỏa thuận ký kết hợp đồng thế chấp bất động sản số LD1727100026, ký ngày 29 tháng 9 năm 2017, là thế chấp quyền sử dụng đất số CH02560 ngày 06 tháng 11 năm 2014 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, đứng tên Nguyễn Thị U, diện tích 134,3 m² đất ở tại đô thị, số thửa 95, số tờ bản đồ 27, tọa lạc thị trấn T, huyện T, tỉnh A, đã được đăng ký thế chấp có sự xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh T ngày 12 tháng 01 năm 2017, là hợp pháp và phù hợp quy định tại điều 298 Bộ luật dân sự 2015. Hiện tài sản này không thay đổi bỏ trống, không có người quản lý theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Theo bảng kê tính lãi do đại diện Ngân hàng xuất trình tại phiên tòa, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29 tháng 5 năm 2019) bà Nguyễn Thị U còn nợ tổng cộng số tiền 277.825.704 đồng, trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng, nợ lãi 27.825.704 đồng. Do Bà U đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến hạn, nên Ngân hàng yêu cầu trả vốn và lãi theo hợp đồng cho vay số LD1727100026 ngày 29 tháng 9 năm 2017 là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 24, 25 Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước. Về tài sản thế chấp diện tích 134,3 m² đất ở tại đô thị, số thửa 95, số tờ bản đồ 27, tọa lạc thị trấn T, huyện T, tỉnh A đã được đăng ký thế chấp có sự xác nhận của Văn

phòng đăng ký đất đai chi nhánh T ngày 12 tháng 01 năm 2017, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02560 ngày 06 tháng 11 năm 2014 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, đứng tên Nguyễn Thị U được xử lý để đảm bảo thi hành án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Bà U có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) S nợ gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi 27.825.704 đồng, tổng vốn và lãi 277.825.704 đồng (tính đến ngày 29 tháng 5 năm 2019) và xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án.

Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu các khoản chi phí tố tụng, nguyên đơn đã tạm ứng nộp nên bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị U.

- Buộc Bà Nguyễn Thị U có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) S, tổng cộng tiền vốn và lãi 277.825.704 đồng (*Hai trăm, bảy mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi lăm ngàn, bảy trăm lẻ bốn đồng*), trong đó: số tiền vốn gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi 27.825.704 đồng (tính đến ngày 29 tháng 5 năm 2019).

- Xử lý tài sản thế chấp diện tích diện tích 134,3 m² đất ở tại đô thị, số thửa 95, số tờ bản đồ 27, tọa lạc thị trấn T, huyện T, tỉnh A theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH02560 ngày 06 tháng 11 năm 2014 do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên cấp, đứng tên Nguyễn Thị U để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị U phải chịu 13.891.000

đồng (mười ba triệu, tám trăm, chín mươi mốt ngàn đồng) tiền án phí.

Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) S được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 6.354.000 đồng (sáu triệu, ba trăm năm mươi bốn ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số TU/2016/0014452 ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị U phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) S số tiền 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng).

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.Tịnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ